



Accompany with Business

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI LIDOVIT**

AISC

Auditing and Informatic Services Company Limited

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Thông tin chung về Công ty:

Thành lập:

Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0303171396 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TPHCM cấp ngày 15/01/2004 và được chỉnh sửa lần thứ 11 ngày 10/05/2021.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

Sản xuất kinh doanh các loại phụ tùng, ốc, vít, bulong, soket, xích tải, xích cam, buzi, suppap. Các loại phụ tùng xe hơi, xe máy, xe đạp. Lắp ráp các loại xe máy, dụng cụ cơ khí. Sản xuất gia công thiết bị máy móc phục vụ công nghiệp và nông nghiệp; Tổng đại lý các ngành thép, nhôm, điện tử, viễn thông; Các sản phẩm gỗ dùng trong trang trí nội thất.

Tên giao dịch: Lidovit Trading & Industrial Stock Company.

Tên viết tắt: LIDOVIT Joint-Stock Co.

Trụ sở chính: Lô D5, đường số 3, KCN Bình Chiểu, Quận Thủ Đức, Tp.HCM.

Công ty có các chi nhánh:

Chi nhánh Hà Nội: 27C Lý Thái Tổ, phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.

Chi nhánh Nha Trang: 15A Nguyễn Thị Định Phường Phước Long, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Chi nhánh Quy Nhơn: 347-349 Lạc Long Quân, KV7, Phường Trần Quang Diệu, Tp.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Trung tâm Thương mại và Đầu tư Lidovit: 230 Bạch Đằng, Phường 24, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM.

Cửa hàng Thương mại và Dịch vụ số 1 Tp.HCM: 35-37 Yersin, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, Tp.HCM.

Cửa hàng Thương mại và Dịch vụ số 2 Tp.HCM: 131 Dương Tử Giang, Phường 15, Quận 5, Tp.HCM.

Cửa hàng Thương mại và Dịch vụ số 3 Tp.HCM: 344 Hùng Vương, Phường 15, Quận 5, Tp.HCM.

Cửa hàng Thương mại và Dịch vụ số 4 Tp.HCM: 63 Phùng Hưng, Phường 13, Quận 5, Tp.HCM.

Cửa hàng Thương mại và Dịch vụ số 5 Tp.HCM: Kios số 9, Đường Bình Chiểu, Lô E, KCN Bình Chiểu, Phường Bình Chiểu, Thủ Đức, Tp.HCM.

Chi nhánh Biên Hòa: 29/1A KP1, Phạm Văn Thuận, Phường Bình Đa, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Chi nhánh Bình Dương 1: 3/10 Thủ Khoa Huân, Khu phố Bình Thuận 2 - Phường Thuận Giao - Thành phố Thuận An - Bình Dương.

Chi nhánh Bình Dương 2: 58T/1 KP 1A, Phường An Phú, Tp Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Chi nhánh Bình Dương 3: 49A/1, Khu phố 1A - Phường An Phú - Thành phố Thuận An - Bình Dương.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng-trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Dương Hiệu	Chủ tịch	
Ông	Hoàng Kiều Phong	Ủy viên	Từ 20/10/2021
Ông	Yen Chung Jen	Ủy viên	
Ông	Huỳnh Quang Thanh	Ủy viên	
Ông	Nguyễn Văn Vũ	Ủy viên	
Ông	Đặng Minh Đức	Ủy viên	
Bà	Nguyễn Thị Thoa	Ủy viên	Từ 15/12/2021
Bà	Nguyễn Thị Bích Phượng	Ủy viên	Từ 20/10/2021 đến 15/12/2021
Ông	Phan Tấn Thảo	Ủy viên	Đến 20/10/2021

Ban Kiểm soát

Bà	Trần Thị Mỹ Thanh	Trưởng ban	Từ 22/12/2021
Ông	Huỳnh Hữu Nhân	Trưởng ban	Đến 22/12/2021
Ông	Hà Hồ Lạc	Thành viên	Từ 22/12/2021
Ông	Nguyễn Đình Đạt	Thành viên	Từ 22/12/2021
Ông	Trần Duy Hùng	Thành viên	Đến 22/12/2021
Ông	Lê Minh Phú	Thành viên	Đến 17/8/2021

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Dương Hiệu	Tổng Giám Đốc	Đến 01/07/2021
Ông	Hoàng Kiều Phong	Tổng Giám Đốc	Từ 01/07/2021
Ông	Trịnh Công Luận	Phó Tổng Giám đốc	
Ông	Đặng Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	
Bà	Nguyễn Thị Hồng Huệ	Kế toán trưởng	

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Ông Nguyễn Dương Hiệu - Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

5. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. HCM, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Dương Hiệu

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HCM
Auditing And Informatic Services Company Limited
Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) Fax: (84.28) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn

Số: C1121557-R1/AISC-DN4

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI LIDOVIT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Lidovit, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Lidovit tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. HCM, ngày 30 tháng 3 năm 2022



Huỳnh Tiểu Phụng

Số ĐKHNKT: 1269-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

Võ Thị Xuân Quỳnh

Số ĐKHNKT: 4274-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Ha Noi:
Branch in Da Nang:
Rep. Office in Can Tho:

6th floor, 36 Hoa Binh 4 Str., Minh Khai Ward, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi City
350 Hai Phong Str., Thanh Khe Dist., Da Nang City
P9019 - A 200 Nguyen Hien Str., Ninh Kieu Dist., Can Tho City

Tel: (84.24) 3782 0045 Fax: (84.24) 3782 0048 Email: hanoi@aisc.com.vn
Tel: (84.236) 3747 619 Fax: (84.236) 3747 620 Email: danang@aisc.com.vn
Tel: (84.28) 3832 9129 Fax: (84.28) 3834 2957 Email: cantho@aisc.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		223.664.925.934	202.950.525.914
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.369.162.304	5.298.141.124
1. Tiền	111		13.369.162.304	5.298.141.124
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		71.778.967.189	70.287.148.900
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	63.627.785.102	58.567.128.045
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.801.174.763	6.738.372.654
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	7.896.355.199	7.035.399.107
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3,4	(2.546.347.875)	(2.417.901.702)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.6	-	364.150.796
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	134.828.752.152	124.889.096.799
1. Hàng tồn kho	141		135.617.068.453	125.678.989.189
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(788.316.301)	(789.892.390)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.688.044.289	2.476.139.091
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12a	3.688.044.289	2.476.139.091
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.738.749.896	49.586.123.955
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		41.450.341.576	47.805.636.512
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	40.356.741.576	46.712.036.512
- Nguyên giá	222		131.331.135.552	131.705.627.019
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(90.974.393.976)	(84.993.590.507)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	1.093.600.000	1.093.600.000
- Nguyên giá	228		1.093.600.000	1.093.600.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9	-	541.415.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	541.415.000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	1.053.000.000	1.053.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.053.000.000	1.053.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		235.408.320	186.072.443
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12b	235.408.320	186.072.443
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		266.403.675.830	252.536.649.869

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		196.394.596.984	182.115.664.404
I. Nợ ngắn hạn	310		194.094.523.946	172.498.736.702
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.13	39.683.290.940	6.733.170.639
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	7.553.086.949	2.094.514.600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	2.898.334.878	534.174.140
4. Phải trả người lao động	314		2.218.626.948	2.089.847.370
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	57.300.000	44.058.219
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	16.411.559.246	15.846.059.756
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	125.272.324.985	145.156.911.978
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.300.073.038	9.616.927.702
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	2.300.073.038	9.616.927.702
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		70.009.078.846	70.420.985.465
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	70.009.078.846	70.420.985.465
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		69.326.650.000	65.402.710.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		69.326.650.000	65.402.710.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		599.047.404	4.522.987.404
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		83.381.442	495.288.061
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		495.288.061	58.991.083
- LNST chưa phân phối năm này	421b		(411.906.619)	436.296.978
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		266.403.675.830	252.536.649.869

NGƯỜI LẬP BIỂU KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hồng Huệ

Tp. HCM, ngày 30 tháng 3 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Kiều Phong



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	212.022.668.619	193.326.564.149
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	10.580.520	119.745.295
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	212.012.088.099	193.206.818.854
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	176.591.257.150	154.739.817.349
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		35.420.830.949	38.467.001.505
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	43.927.908	252.606.998
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	8.922.415.853	9.377.312.453
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.742.561.967	9.752.126.001
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	16.657.651.763	19.468.318.313
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	9.190.465.065	9.166.621.960
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		694.226.176	707.355.777
11. Thu nhập khác	31	VI.8	452.374.298	1.055.775.259
12. Chi phí khác	32	VI.9	604.235.394	693.590.049
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(151.861.096)	362.185.210
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		542.365.080	1.069.540.987
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	954.271.699	227.140.650
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(411.906.619)	842.400.337
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	(61)	129
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	(61)	129

NGƯỜI LẬP BIỂU/KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hồng Huệ



Tp. HCM, ngày 30 tháng 3 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Kiều Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		234.760.913.415	194.100.975.290
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(158.928.903.354)	(168.745.822.297)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(26.372.794.700)	(30.046.221.126)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(8.729.004.680)	(9.708.010.481)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.15	(227.140.650)	(246.006.973)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		28.200.667	15.237.845.223
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(3.905.755.308)	(4.313.698.107)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		36.625.515.390	(3.720.938.471)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH				
1. khác	21		(1.522.280.056)	(247.415.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		143.636.364	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	-	3.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.5	21.431.904	211.216.877
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.357.211.788)	3.463.801.877
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	171.489.950.480	245.478.237.014
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(198.686.850.535)	(251.541.681.053)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(27.196.900.055)	(6.063.444.039)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

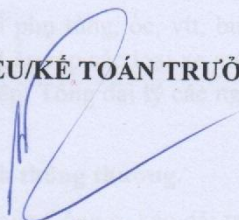
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
Lưu chuyển tiền thuần trong năm ($50 = 20+30+40$)	50		8.071.403.547	(6.320.580.633)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.298.141.124	11.619.788.437
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(382.367)	(1.066.680)
Tiền và tương đương tiền cuối năm ($70 = 50+60+61$)	70	V.1	13.369.162.304	5.298.141.124

Tp. HCM, ngày 30 tháng 3 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU/KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hồng Huệ



TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Kiều Phong